

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 200/2017/HSST

Ngày 12 tháng 12 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Phương Hoa
2. Ông Nguyễn Nam Bình

- Thư ký phiên tòa:

Ông Lê Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 190/2017/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2017/HSST-QĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Lê Thị G, sinh ngày 01/06/1983; Nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện C, thành phố H; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không, Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Quang K, sinh năm 1942 và bà Cấn Thị V, sinh năm 1950; Chưa có chồng, có ba con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh ngày 18/6/2017; Tiền án: Bản án số 363/2012/HSST ngày 21/8/2012, Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và bản án số 190/2014 /HSST ngày 10/9/2014, Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 25/11/2015; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 04/10/2005, Công an huyện Chương Mỹ,

thành phố Hà Nội xử phạt hành chính bằng hành thức cảnh cáo về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bản án số 157/2006/HSST ngày 22/11/2006, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 18/3/2014, Công an huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 150.000 đồng về hành vi “Bán dâm”. Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã và bị tạm giữ từ ngày 03/10/2017 đến ngày 06/10/2017 chuyển tạm giam; Bị cáo có mặt.

- Người bị hại:

1. Chị Ngô Thị N, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1956

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

Anh Bùi Văn H, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên G đã nảy sinh ý định vào khu vực bệnh viện để xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 06/8/2017, G đi bộ đến phòng 304 Khoa phụ - Bệnh viện phụ sản Thái Bình, Lê Thị G phát hiện thấy ở vị trí giường đầu tiên bên tay phải từ cửa vào có một chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S6 màu trắng, mặt sau màu xanh dương của chị Ngô Thị N. Lợi dụng lúc chị N đang nằm ngủ, G lại gần lấy chiếc điện thoại, cất giấu vào túi quần đang mặc rồi đi ra cổng bệnh viện phụ sản Thái Bình, gặp và đưa cho Vũ Mạnh D, sinh năm 1983, trú tại xóm 5, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình chiếc điện thoại vừa trộm cắp được để D đi tiêu thụ và mang tiền về cho G. Sau đó, G lại tiếp tục quay lại phòng 304 Khoa phụ - Bệnh viện phụ sản Thái Bình thì phát hiện thấy tại giường số 2, bên tay phải từ cửa vào có một

chiếc ví giả da của chị Nguyễn Thị Q. Lợi dụng lúc chị Q đang ngủ, G lại gần dùng tay phải lấy chiếc ví rồi đi ra khỏi phòng. Khi G đi đến cầu thang tầng 1, dãy nhà B Bệnh viện phụ sản Thái Bình, thì lực lượng bảo vệ yêu cầu về làm việc và báo cáo cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình phối hợp kiểm tra và thu giữ vật chứng. Khi kiểm tra vật chứng là 01 chiếc ví thu trên người G, bên trong ví có một thẻ ATM ngân hàng Agribank, 01 chứng minh nhân dân, 01 một bằng lái xe mô tô A1, 01 đăng ký xe mô tô 17B7 – 238-24 đều mang tên chị Nguyễn Thị Q và số tiền 1.080.000 đồng. Cơ quan điều tra tiến hành lập biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 38/KLGD-CATP ngày 14/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy S6 có giá 5.300.000 đồng; 01 chiếc ví giả da có giá 75.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là: 5.375.000 đồng.

Bản cáo trạng số 200/KSĐT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Lê Thị G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Việc bị cáo khai báo là hoàn toàn tự nguyện, không bị mớm cung, ép cung, bị cáo không khiếu nại gì về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại giai đoạn điều tra, người bị hại là chị Nguyễn Thị Q khai: ngày 06/8/2017, chị Q đi thăm người ốm tại phòng 304 – Khoa phụ - Bệnh viện phụ sản Thái Bình, trong lúc ngủ trưa, chị Q đã bị kẻ trộm lấy 01 chiếc ví giả da trong ví có các loại giấy tờ và số tiền 1.080.000 đồng. Sau khi bị cáo G bị phát hiện, bắt giữ, chị đã nhận lại toàn bộ giấy tờ đã bị mất, sau đó chị Q ủy quyền cho bố đẻ chị là ông Nguyễn Minh C tham gia tố tụng. Trong quá trình điều tra, ông C đã nhận lại toàn bộ tài sản còn lại của chị Q là 01 chiếc ví giả da và số tiền 1.080.000 đồng. Ông C nhận đủ tiền và không có yêu cầu bị cáo bồi thường khoản gì khác.

Tại phiên tòa, người bị hại là chị Ngô Thị N khai: ngày 06/8/2017, chị đang điều trị bệnh tại phòng 304 – Khoa phụ - Bệnh viện phụ sản Thái Bình, trong lúc ngủ trưa, chị N đã bị kẻ trộm lấy 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S6. Chị đồng ý với kết luận định giá tài sản chiếc điện thoại của chị là 5.300.000 đồng. Hiện tại, chiếc điện thoại của chị chưa thu hồi được nên chị yêu cầu bị cáo G phải bồi thường cho chị giá trị của chiếc điện thoại là 5.300.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn

giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị G từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2017.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Tại phiên tòa chị Ngô Thị N yêu cầu bị cáo G phải bồi thường thiệt hại chiếc điện thoại cho chị. Vì vậy, buộc bị cáo G phải bồi thường cho chị N số tiền 5.300.000 đồng tương ứng với giá trị của chiếc điện thoại bị mất.

Bị cáo đồng ý với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng trình tự, thủ tục tố tụng hình sự.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 06/8/2017, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người bị hại, bị cáo Lê Thị G đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S6 của chị Ngô Thị N và trộm cắp 01 chiếc ví giả da bên trong có số tiền 1.080.000 đồng của chị Nguyễn Thị Q. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 6.455.000. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự thì: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*. Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo G, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Khi phạm tội bị cáo có đầy đủ có nhận thức về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của

hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Bị cáo là người có nhân thân rất xấu, đã bị xử phạt tù về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, hai lần bị xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và hành vi “Bán dâm” và khi phạm tội bị cáo còn có hai tiền án chưa được xóa án tích đều về nhóm tội phạm xâm phạm sở hữu là “Trộm cắp tài sản”. Mặc dù bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt bằng nhiều hình phạt nghiêm khắc nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo không tôn trọng pháp luật, không có ý thức cải tạo nên lần phạm tội này của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm khắc hơn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài hơn để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy: bị cáo khai báo thành khẩn, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngày 06/8/2017, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản hai lần, lần thứ hai có trị giá tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng do bị cáo có tiền án, nên hành vi phạm tội lần thứ hai của bị cáo vẫn cấu thành tội phạm độc lập, do vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần và tái phạm quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S6 của chị Ngô Thị N, G lấy trộm và đưa cho Vũ Mạnh D đi tiêu thụ, đến thời điểm hiện tại chưa xác định được đối tượng Vũ Mạnh D đang ở đâu nên không thu hồi được chiếc điện thoại. Do vậy, chị N yêu cầu bị cáo G phải bồi thường cho chị số tiền 5.300.000 đồng là tiền trị giá bằng chiếc điện thoại của chị bị mất. Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank, 01 chứng minh nhân dân, 01 một bằng lái xe mô tô A1, 01 đăng ký xe mô tô 17B7 – 238-24 đã được trả lại cho người bị hại là chị Nguyễn Thị Q; đối với 01 chiếc ví giả da, các loại giấy tờ và số tiền 1.080.000 đồng của chị Q đã được trả lại cho người đại diện theo ủy quyền của chị Q là ông Nguyễn Minh C, ông C nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt ra giải quyết.

Quá trình điều tra bị cáo G khai, ngày 06/8/2017, bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại Samsung J7 của một nam giới không rõ tên, địa chỉ tại phòng không có số, tầng 5, nhà E Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình, sau đó đưa cho Vũ Mạnh D, sinh năm 1983, trú tại xóm 5, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình mang đi bán. Tuy nhiên, quá trình điều tra không xác định được người bị hại nêu trên, Vũ Mạnh D hiện đi vắng khỏi địa phương nên không thu hồi được chiếc điện

thoại. Vì vậy, cơ quan điều tra tách hành vi trộm cắp nêu trên ra để tiếp tục điều tra là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo Lê Thị G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị G 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lê Thị G phải bồi thường cho người bị hại chị Ngô Thị N, sinh năm 1989, trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình số tiền 5.300.000 đồng (trị giá chiếc điện thoại bị mất).

4. Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Buộc bị cáo Lê Thị G phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Thị G, người bị hại chị Ngô Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/12/2017. Người bị hại chị Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- UBND xã L, C, thành phố Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà